

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO**GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY XUẤT KHẨU NĂM 2018**

(Tài liệu phục vụ Hội nghị Giải pháp tổng thể thúc đẩy xuất khẩu năm 2018)

I. TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU NĂM 2017**1. Kết quả xuất khẩu năm 2017**

Năm 2017 là một năm đặc biệt thành công của xuất khẩu. Lần đầu tiên kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vượt mốc 200 tỷ USD. Tính chung cả năm, xuất khẩu đạt 214 tỷ USD, tăng 21,2% so với năm 2016, vượt xa chỉ tiêu Quốc hội và Chính phủ giao cho ngành Công Thương. Trong đó, xuất khẩu của khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 155,1 tỷ USD (bao gồm cả xuất khẩu dầu thô), tăng 22,8% so với năm 2016, chiếm 72,5% tổng kim ngạch xuất khẩu. Xuất khẩu của khối doanh nghiệp trong nước đạt 59 tỷ USD, tăng 17,1%.

Năm 2017, có thêm 4 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, đưa số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD lên 29 mặt hàng; số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 2 tỷ USD là 20 và có 8 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 6 tỷ USD.

Nhóm hàng công nghiệp chế biến tiếp tục là động lực chính trong tăng trưởng xuất khẩu, nhiều mặt hàng đạt mức kim ngạch và tăng trưởng ấn tượng như điện thoại các loại và linh kiện (45,27 tỷ USD, tăng 31,9%), máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (25,9 tỷ USD, tăng 36,8%).

Nhóm hàng nông, thủy sản có sự tăng trưởng tốt, đóng góp 8 mặt hàng vào nhóm kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD. Trong đó, nhiều mặt hàng có tăng trưởng cao như thủy sản đạt 8,32 tỷ USD, tăng 18%; rau quả đạt 3,5 tỷ USD, tăng 42,5%, hạt điều đạt 3,52 tỷ USD, tăng 23,8%,...

Nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản tiếp tục chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng kim ngạch xuất khẩu (khoảng 2%) và đạt mức tăng 25,9% so với năm 2016 nhờ hưởng lợi từ giá xuất khẩu tăng.

Công tác phát triển thị trường xuất khẩu đạt được những kết quả tích cực. Hàng hóa Việt Nam đã tiếp tục khai thác các thị trường truyền thống và mở rộng tìm kiếm, phát triển thêm nhiều thị trường mới. Cả năm 2017, có 28 thị trường xuất khẩu đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD, trong đó 7 thị trường đạt kim ngạch trên 5 tỷ USD, 4 thị trường trên 10 tỷ USD.

Tăng trưởng xuất khẩu năm 2017 đã góp phần quan trọng vào tăng trưởng GDP, cải thiện cán cân thanh toán, ổn định kinh tế vĩ mô, tạo hiệu ứng lan tỏa, thúc đẩy sản xuất, tạo công ăn việc làm và thu nhập cho hàng triệu lao động.

2. Đánh giá kết quả xuất khẩu năm 2017

2.1. Những mặt được

- *Xuất khẩu của Việt Nam tăng mạnh về quy mô, lần đầu tiên vượt mốc 200 tỷ USD. So với quy mô xuất khẩu năm 2011 (96,9 tỷ USD), thời điểm bắt đầu thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011-2020, định hướng đến năm 2030, xuất khẩu sau 7 năm đã bằng 2,21 lần. Tốc độ tăng xuất khẩu bình quân đạt 12%/năm.*

- *Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu đã chuyển dịch thành công. Nhóm hàng công nghiệp chế biến năm 2017 chiếm tỷ trọng 81,3%, tăng mạnh so với mức 61% của năm 2011; tỷ trọng của hàng nông, thủy sản giảm còn 12,1% (năm 2011 là 20,4%); nhóm nhiên liệu, khoáng sản chỉ còn chiếm tỷ trọng khoảng 2% (năm 2011 chiếm 11,6%).*

- *Thị trường xuất khẩu được mở rộng, phát triển mạnh theo hướng đa dạng hóa, đa phương hóa, cơ cấu thị trường xuất khẩu về cơ bản là tốt, đặc biệt là đối với nhóm hàng công nghiệp. Năm 2017, thị trường Hoa Kỳ chiếm 20,6% xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp (35,8 tỷ USD), thị trường EU chiếm 17,6%; tổng cộng 3 thị trường khu vực Đông Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) chiếm gần 30%.*

- *Các doanh nghiệp tận dụng tương đối tốt cơ hội từ hội nhập.*

Xuất khẩu sang thị trường các nước có Hiệp định thương mại tự do (FTA) với ta đều ghi nhận tốc độ tăng cao trong năm 2017: ASEAN tăng 24,2%, đạt 21,68 tỷ USD; Trung Quốc tăng 61,5%, đạt 35,46 tỷ USD; Nhật Bản tăng 14,8%, đạt 16,8 tỷ USD; Hàn Quốc tăng 30%, đạt 14,8 tỷ USD; Australia tăng 15,1%, đạt 3,3 tỷ USD; Chile tăng 24,1%, đạt 999 triệu USD.

Năm 2017, Bộ Công Thương đã cấp 764.052 Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O), với tổng trị giá 37,8 tỷ USD, tăng 22% về số lượng và 24% về trị giá so với năm 2016. Tỷ lệ tận dụng ưu đãi từ các thị trường đã ký kết FTA đạt mức cao như Hàn Quốc (51% trị giá xuất khẩu được hưởng thuế nhập khẩu ưu đãi), Ấn Độ (48%), Chile (69%), Nhật Bản (35%).

- *Tỷ lệ nội địa hóa trong sản phẩm xuất khẩu dần được cải thiện.*

Với việc đầu tư cho các nhà máy sản xuất nguyên liệu, đến nay, tỷ lệ nội địa hóa của ngành dệt may đã được cải thiện rất rõ. Nếu như năm 2000 tỷ lệ nội địa hóa mới khoảng 15-17% thì đến năm 2017, tỷ lệ nội địa hóa của ngành dệt may đã đạt trên 50%. Không những phần nào chủ động được nguồn nguyên liệu trong nước, ngành dệt may còn xuất khẩu được nguyên phụ liệu (xơ, sợi dệt các loại có kim ngạch xuất khẩu tăng 22,7%).

Đối với điện thoại, tỷ lệ nội địa hóa cũng đang được cải thiện, với trên 200 nhà cung cấp là doanh nghiệp Việt Nam.

2.2. Tồn tại và hạn chế

- Xuất khẩu chuyển từ dựa mạnh vào dầu thô sang dựa mạnh vào nhóm

hàng điện tử (chiếm tới 33% tổng kim ngạch xuất khẩu). Nếu không tính 2 mặt hàng là điện thoại và máy vi tính, lĩnh vực điện tử, tăng trưởng xuất khẩu cả nước năm 2017 chỉ đạt 15,8%.

- Xuất khẩu vẫn dựa nhiều vào khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), cụ thể là khối FDI vẫn chiếm trên 70% xuất khẩu. Do sản xuất và xuất khẩu của khối này phụ thuộc rất mạnh vào chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu nên mỗi khi có biến động xảy ra đối với chuỗi cung ứng (vì chiến tranh thương mại, vì dịch chuyển chuỗi cung ứng dưới tác động của các FTA trên thế giới,...), xuất khẩu của ta sẽ chịu tác động mạnh hơn.

- Mức độ đa dạng hóa thị trường của một số mặt hàng thuộc nhóm nông sản, thủy sản chưa cao, cụ thể là còn phụ thuộc nhiều vào khu vực châu Á (chiếm tới 52,7%). Đặc biệt, một số mặt hàng phụ thuộc vào một thị trường duy nhất (sắn, cao su, thanh long,...).

- Sản xuất một số mặt hàng nông, thủy sản còn manh mún, tự phát, dẫn đến có lúc không kiểm soát được nguồn cung dành cho xuất khẩu. Đặc biệt, sản xuất manh mún khiến chất lượng nông, thủy sản không đồng đều, rất khó kiểm soát vấn đề an toàn và khó áp dụng các chuẩn mực của thế giới về truy xuất nguồn gốc. Vấn đề an toàn thực phẩm tuy được cải thiện so với trước đây nhưng chưa thật sự bền vững. Đây đó vẫn xuất hiện tình trạng sản phẩm xuất khẩu bị trả về do không đạt chỉ tiêu an toàn thực phẩm (thủy sản, hạt tiêu, gạo), ảnh hưởng tới hình ảnh, thương hiệu của hàng Việt Nam.

- Với nông sản, ta đã làm tốt công tác đàm phán để cắt giảm thuế nhập khẩu trên thị trường ngoài (thông qua các Hiệp định FTA song phương và đa phương). Tuy nhiên, việc đàm phán để được công nhận về quản lý chất lượng và quản lý an toàn thực phẩm còn hạn chế. Do vậy, nhiều mặt hàng dù đã được nước ngoài giảm thuế về 0% nhưng nông sản của ta vẫn chưa thâm nhập được (như sữa, thịt lợn, rau quả).

- Với quyết tâm, nỗ lực của Chính phủ, các Bộ, ngành, thủ tục hành chính về cơ bản đã thông thoáng, minh bạch, thuận lợi cho sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên vẫn còn một số vấn đề, một số quy định chưa được hợp lý mà doanh nghiệp mong muốn các cơ quan quản lý nhà nước xem xét, có sự điều chỉnh để tạo điều kiện cho xuất khẩu như chính sách thuế giá trị gia tăng (diện mặt hàng chịu thuế, thời gian, thủ tục hoàn thuế), chính sách thuế nhập khẩu đối với một số nguyên phụ liệu, quy định về kiểm tra chuyên ngành đối với một số nguyên liệu đầu vào cho sản xuất,...

- Nhiều doanh nghiệp cho rằng chi phí của nền kinh tế còn cao (chi phí lãi suất, chi phí vận tải, mức thu các loại phí cảng còn cao ở nhiều nơi,...) làm giảm tính cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu.

II. ĐÁNH GIÁ, NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH NĂM 2018

1. Cơ hội cho xuất khẩu

- Nhu cầu thế giới sẽ tiếp tục phục hồi do tăng trưởng kinh tế toàn cầu

năm 2018 được dự báo khả quan. Tăng trưởng GDP của Hoa Kỳ được dự báo ước đạt 2,7% dù Cục Dự trữ Liên bang có xu hướng thực thi chính sách tiền tệ thắt chặt. Trung Quốc thực thi chiến lược cải cách kinh tế với mục tiêu cắt giảm sản lượng công nghiệp, làm sạch môi trường, giảm tình trạng đầu cơ và kiềm chế tăng trưởng tín dụng dự báo sẽ có tác động tích cực lên nguồn cung toàn cầu, giúp tăng giá hàng hóa xuất khẩu. Tại Liên minh châu Âu (EU), mặc dù tiềm ẩn rủi ro sau sự kiện Brexit và dư âm từ làn sóng di cư, các nền kinh tế Đức, Ý, Hà Lan được dự báo tăng trưởng cao với nhu cầu tiêu dùng tăng mạnh.

- Theo lộ trình cam kết tại các FTA, thuế nhập khẩu của các đối tác sẽ tiếp tục được xóa bỏ hoặc cắt giảm, tạo thêm lợi thế cạnh tranh cho hàng của ta.

- Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định FTA Việt Nam - EU dự kiến có hiệu lực vào năm 2019 đã và đang tạo ra sức hút mới cho đầu tư trực tiếp nước ngoài, giúp nước ta có thêm năng lực sản xuất mới. Đầu tư trong nước, được hỗ trợ bởi tâm lý lạc quan, môi trường kinh doanh thuận lợi, chính sách tiền tệ, tỷ giá, lãi suất ổn định, dự báo cũng sẽ tiếp tục khởi sắc và cùng với đầu tư nước ngoài tạo ra năng lực sản xuất mới.

- Chính phủ và các bộ, ngành đang nỗ lực triển khai nhiều giải pháp nhằm tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển doanh nghiệp. Bức tranh kinh tế Quý I có nhiều điểm sáng với GDP đạt 7,38%, cao nhất trong 10 năm qua; khu vực công nghiệp và nông nghiệp đều có kết quả tích cực; tăng trưởng tín dụng và vốn FDI đạt mức cao; lạm phát được kiểm soát; tất cả đều đã và đang tạo ra môi trường ngày càng thuận lợi hơn cho sản xuất nói chung và xuất khẩu nói riêng.

2. Rủi ro, thách thức cho xuất khẩu

- Thương mại toàn cầu năm 2018 được dự báo sẽ tiếp tục khởi sắc nhưng vẫn tiềm ẩn những biến động khó lường khi quan hệ ngoại giao, kinh tế giữa các nền kinh tế lớn đang trở nên căng thẳng trong những ngày gần đây. Nguy cơ về một cuộc chiến thương mại giữa các cường quốc tuy không lớn nhưng vẫn âm ỉ, dẫn đến tâm lý không an tâm cho doanh nghiệp, nhà đầu tư.

- Chủ nghĩa bảo hộ đang xuất hiện trở lại và thể hiện rõ ràng hơn trong những tháng đầu năm 2018. Lần đầu tiên sau rất nhiều năm, Hoa Kỳ mới lại áp dụng biện pháp tự vệ toàn cầu trong thương mại (đối với máy giặt). Hoa Kỳ cũng sẵn sàng mâu thuẫn với chính mình, thay đổi quy tắc xuất xứ đã được Hoa Kỳ công nhận và duy trì nhiều năm để có thể đánh thuế "chống lẩn tránh" vào tôn xuất khẩu của Việt Nam. Mức thuế chống bán phá giá cá tra - basa mới được công bố gần đây cũng cao một cách bất thường, có thể nói là bảo hộ quá mức. Một số nước khác thậm chí sẵn sàng vi phạm quy định của WTO để bảo hộ sản xuất trong nước như Indonesia chỉ cho phép nhập khẩu điện thoại thông minh nếu công ty làm ra điện thoại đó cũng có cơ sở sản xuất ở Indonesia, hay Ấn Độ cấm nhập khẩu hạt tiêu nếu giá bán vào Ấn Độ thấp hơn một mức giá tối thiểu do Chính phủ nước này đặt ra.

- Nhận thức của người dân cũng như của Chính phủ các nước về bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng và bảo vệ môi trường ngày càng cao, dẫn đến việc áp dụng các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm và về bảo vệ môi trường ngày càng khắt khe như EC xiết chặt mức dư lượng thuốc bảo vệ thực vật đối với nông sản nhập khẩu, áp dụng các quy định về đánh bắt thủy sản hợp pháp (IUU) và sử dụng gỗ nguyên liệu hợp pháp (FLEGT); nhiều nước ban hành quy định về truy xuất nguồn gốc v..v.

- Giá nông sản đã tăng khá tốt trong năm qua nên khả năng tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu nhờ yếu tố giá không còn nhiều.

III. GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY XUẤT KHẨU

Đứng trước các cơ hội và thách thức của năm 2018, tháng 3 vừa qua, Bộ Công Thương đã có công văn gửi các Bộ, ngành, địa phương liên quan đề nghị đánh giá về tình hình xuất khẩu năm 2017; năng lực sản xuất và khả năng xuất khẩu năm 2018; đồng thời đề xuất giải pháp để thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu. Bộ Công Thương cũng đã tổ chức 2 buổi làm việc với các Hiệp hội ngành hàng (nhóm nông, thủy sản và nhóm công nghiệp chế biến) để nắm bắt tình hình sản xuất - xuất khẩu, khó khăn, vướng mắc cũng như những kiến nghị, đề xuất của các doanh nghiệp.

Trên cơ sở các giải pháp, định hướng lớn của Chiến lược Xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011-2020, định hướng đến năm 2030; tổng hợp kiến nghị, đề xuất của các Bộ, ngành, Hiệp hội, doanh nghiệp; nhận định bối cảnh tình hình kinh tế trong nước và thế giới năm 2018, đặc biệt là những hạn chế cần khắc phục trong hoạt động xuất khẩu, Bộ Công Thương xin đề xuất một số giải pháp để thúc đẩy xuất khẩu trong năm 2018. Các giải pháp này được chia thành 3 nhóm lớn, chủ yếu hướng vào khối doanh nghiệp Việt Nam, bao gồm (i) nhóm giải pháp tác động vào phía cung; (ii) nhóm giải pháp tác động vào phía cầu; và (iii) nhóm giải pháp có tác dụng hỗ trợ, tác động vào khâu tổ chức xuất khẩu, kết nối giữa cung và cầu. Cụ thể như sau:

1. Giải pháp tác động vào phía cung: thúc đẩy sản xuất phát triển, tạo nguồn hàng có chất lượng cho xuất khẩu và nâng cao giá trị gia tăng

1.1. Để có thể xuất khẩu nông, thủy sản một cách bền vững, với giá xuất khẩu được cải thiện, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đẩy mạnh việc tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp, tăng cường kiểm soát nguồn cung và định hướng sản xuất gắn với tín hiệu thị trường. Những việc có thể và cần làm ngay bao gồm:

- Nghiên cứu để mở rộng diện tích trồng điều ở những vùng có điều kiện thổ nhưỡng và khí hậu phù hợp. Việt Nam là nước xuất khẩu nhân điều lớn nhất thế giới, kim ngạch xuất khẩu đã lên tới trên 3,5 tỷ USD/năm nhưng ngành điều vẫn phải nhập khẩu trên 1 triệu tấn điều thô hàng năm (trên tổng nhu cầu khoảng 1,4 triệu tấn) để sản xuất nhân điều xuất khẩu. Nếu có thể sản xuất thêm điều thô trong nước thì không những giúp được ngành điều tự chủ hơn về nguyên liệu mà còn tạo thêm được việc làm và thu nhập cho bà con nông dân.

- Nghiên cứu giải pháp để khuyến khích người dân không khai thác sớm các diện tích rừng trồng. Hiện nay, do khai thác sớm nên thân gỗ rừng trồng chỉ thích hợp để băm dăm, giá trị xuất khẩu không cao. Nếu giữ lại để khai thác muộn hơn, thân gỗ sẽ đủ lớn để chế biến sản phẩm gỗ xuất khẩu, giá trị sẽ lớn hơn nhiều.

- Nghiên cứu giải pháp để phát triển mạnh sản xuất giống thủy sản, nhất là giống có khả năng kháng bệnh. Một số doanh nghiệp xuất khẩu tôm đề nghị tham khảo kinh nghiệm của Ecuador trong việc sản xuất tôm giống từ các cặp tôm bố mẹ có khả năng kháng bệnh.

- Sớm có giải pháp để tháo gỡ khó khăn, giúp người dân tái canh cây cà phê, từ đó ổn định sản lượng cà phê nhân xuất khẩu ở mức hợp lý.

- Với một số mặt hàng đang có biểu hiện dư thừa nguồn cung như hồ tiêu, lúa nếp, đề nghị có biện pháp để kiểm soát tốt hơn diện tích trồng, gắn sản xuất với tín hiệu thị trường.

- Nghiên cứu quy hoạch các vùng trồng sắn để phục vụ không chỉ nhu cầu xuất khẩu mà còn cả nhu cầu sản xuất ethanol trong nước.

1.2. Để từng bước nâng cao và ổn định chất lượng nông sản, thủy sản xuất khẩu, đảm bảo đáp ứng các quy định ngày càng khắt khe của các thị trường nhập khẩu về chất lượng, an toàn thực phẩm, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Nghiên cứu áp dụng các giải pháp đồng bộ để chấm dứt hiện tượng có tạp chất và dư lượng kháng sinh trong sản xuất tôm và thủy sản.

- Nghiên cứu áp dụng việc kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm cho hồ tiêu xuất khẩu.

- Nghiên cứu áp dụng việc kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm cho cả các lô hàng thủy sản xuất khẩu dưới hình thức tiểu ngạch, bảo đảm uy tín cho thủy sản của Việt Nam.

- Nghiên cứu thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) truy xuất nguồn gốc thủy sản xuất khẩu để đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về chống đánh bắt bất hợp pháp, không được báo cáo và không được quản lý (IUU), đồng thời tạo nền tảng phát triển bền vững ngành thủy sản, bao gồm CSDL quốc gia về khai thác biển & chứng nhận hải sản khai thác; CSDL quốc gia về nuôi trồng thủy sản và chứng nhận thủy sản nuôi (tôm, cá tra).

1.3. Để tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất hàng xuất khẩu phát triển, một số ngành hàng đề nghị các Bộ, ngành nhanh chóng xem xét lại một số quy định sau đây:

- Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét tháo gỡ quy định về kiểm tra chỉ tiêu một số hoạt chất trong các chỉ tiêu ô nhiễm trong nước thải của các doanh nghiệp chế biến thủy sản.

- Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét áp dụng chế độ kiểm tra

giảm và rút ngắn thời gian ký quỹ đối với việc nhập khẩu phế liệu phục vụ sản xuất (theo quy định hiện hành, phải ký quỹ trước 30 ngày và phải kiểm hóa 100% lô hàng, dẫn đến đọng vốn và kéo dài thời gian thông quan, làm tăng chi phí sản xuất của doanh nghiệp).

- Đề nghị Bộ Tài chính xem xét các quy định về thuế tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 đối với các doanh nghiệp lâm nghiệp ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo hướng có chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp lâm nghiệp tương tự như đối với doanh nghiệp nông sản, thủy sản. Việc này sẽ giúp các doanh nghiệp lâm nghiệp có thêm động lực để tổ chức đầu tư sơ chế nguyên liệu ngay tại nguồn, vừa tiết giảm chi phí, vừa góp phần tạo thêm việc làm cho địa phương.

- Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu giải pháp giảm mạnh thời gian xem xét hồ sơ xin hoàn thuế VAT, giúp giảm chi phí cho doanh nghiệp; xem xét lại các quy định về hoàn thuế VAT cho hàng xuất khẩu dựa trên tỷ trọng tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trong giá thành sản phẩm; xem xét lại cách tính thuế đối với phế liệu, phế phẩm sau sản xuất, gia công xuất khẩu; cho hưởng chế độ nợ thuế nhập khẩu đối với cả phần nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu nhưng được thương nhân nhận gia công đưa đi gia công tại cơ sở khác.

- Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ, khi xây dựng hướng dẫn về việc nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng, cho phép nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị chế biến gỗ đã qua sử dụng nhiều năm nhưng vẫn có giá trị sử dụng cao để giúp ngành chế biến gỗ xuất khẩu tiếp tục hạ giá thành.

- Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét bỏ hoặc giảm yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với gỗ nhập khẩu từ một số quốc gia không có nguy cơ cao, đã thực hiện hun trùng và nghiên cứu chấp nhận Giấy kiểm dịch thực vật của nước xuất khẩu gỗ nguyên liệu để tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhập khẩu gỗ nguyên liệu phục vụ chế biến xuất khẩu. Tương tự, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét giảm mạnh yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với bông nhập khẩu từ các quốc gia không có nguy cơ cao, thí dụ như Hoa Kỳ. Tỷ lệ lấy mẫu bông để kiểm định như hiện nay, theo các doanh nghiệp, là quá cao.

- Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét áp dụng cho vay theo hình thức tín chấp thay vì thế chấp như hiện nay đối với chương trình vay tái canh cây cà phê, giúp đẩy nhanh tiến độ giải ngân cho tái canh cây cà phê.

- Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét lại các quy định về phương thức giải ngân vốn cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại Thông tư số 21/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 để có các điều chỉnh phù hợp cho ngành sản xuất lúa gạo bởi ngành này có đặc thù là cần giải ngân tiền mặt để chi trả trực tiếp cho nông dân.

1.4. Để nâng cao hàm lượng giá trị gia tăng trong sản phẩm xuất khẩu, kiến nghị:

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có chính sách nhất quán và thân thiện hơn đối với đầu tư dệt - nhuộm - hoàn tất bởi hoàn toàn có thể bảo vệ môi trường thông qua áp dụng các yêu cầu cao về xử lý nước thải, không ngăn cản và không kỳ thị ngành dệt nhuộm như hiện nay. Đây là yếu tố cốt lõi để ngành dệt may có thể đẩy mạnh đầu tư, nâng cao hơn nữa giá trị gia tăng trong sản phẩm xuất khẩu.

- Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu hướng sửa đổi các luật thuế để có sự đối xử công bằng hơn giữa vật tư, nguyên liệu nhập khẩu và vật tư, nguyên liệu sản xuất trong nước. Chính sách thuế như hiện nay đang dành ưu ái lớn hơn cho vật tư, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu nên các doanh nghiệp xuất khẩu thiên về nhập khẩu nguyên vật liệu từ bên ngoài thay vì mua trong nước.

- Về phía Bộ Công Thương, sẽ chủ trì thực hiện việc sửa đổi Nghị định số 111/2015/NĐ-CP để phù hợp hơn nữa với thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp, bảo đảm mục tiêu phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ.

1.5. Về đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho các ngành sản xuất, xuất khẩu, các hiệp hội ngành hàng đề nghị:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, áp dụng các giải pháp, chính sách để hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao trong các ngành như thiết kế kiểu dáng, bao bì công nghiệp, thiết kế thời trang, marketing v.v nhằm giúp các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp dệt may và da giày, có thể tự chủ được về thiết kế, đa dạng hóa được sản phẩm, từng bước tạo dựng và khẳng định thương hiệu cho hàng xuất khẩu của Việt Nam.

- Đề nghị Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội nghiên cứu áp dụng các giải pháp nhằm hỗ trợ công tác đào tạo nghề, tạo nguồn lao động phù hợp cho các ngành đang có nhu cầu chuyên sang áp dụng công nghệ 4.0 như chế biến gỗ, dệt may, da giày v.v.

2. Nhóm giải pháp tác động vào phía cầu: đàm phán mở cửa và phát triển thị trường, tăng cường các biện pháp nhằm duy trì thị trường xuất khẩu ổn định

2.1. Về công tác đàm phán, mở cửa thị trường

- Bộ Công Thương chủ động, tích cực phối hợp với Ủy ban Châu Âu đẩy nhanh tiến độ rà soát pháp lý để tiến tới ký chính thức Hiệp định FTA Việt Nam - EU trong năm 2018, hướng đến phê chuẩn và thực thi Hiệp định vào cuối năm 2018 hoặc đầu năm 2019; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành hoàn thành hồ sơ xin phê chuẩn để sớm trình Quốc hội phê chuẩn Hiệp định CPTPP, mở ra các thị trường mới cho xuất khẩu của Việt Nam; nỗ lực yêu cầu các nước xóa bỏ tối đa thuế nhập khẩu và các rào cản phi thuế đối với hàng hóa của Việt Nam trong quá trình đàm phán Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP).

- Phù hợp với Chiến lược hội nhập và Chiến lược đàm phán các FTA, Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành tổ chức nghiên cứu khả thi

việc đàm phán, ký kết các thỏa thuận ưu đãi thương mại với một số thị trường tiềm năng, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định; tận dụng tiến trình rà soát các Hiệp định đã được đưa vào thực thi để đề nghị các đối tác mở cửa thêm cho hàng xuất khẩu của ta.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chú trọng và tăng cường công tác đàm phán với cơ quan đồng cấp trên một số thị trường trọng điểm để giải quyết các vấn đề có liên quan tới hệ thống quản lý chất lượng cũng như tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, giúp nông, thủy sản của ta, đặc biệt là rau quả, thịt và sản phẩm thịt, sữa và sản phẩm sữa tận dụng được cơ hội mở ra khi thuế nhập khẩu trên các thị trường này được cắt giảm hoặc xóa bỏ. Việc xem xét và cho phép nước ngoài được xuất khẩu nông sản vào Việt Nam, nhất là thịt, sữa và hoa quả, cần được tiến hành trên cơ sở *có đi có lại*, công nhận lẫn nhau về tiêu chuẩn, quy chuẩn và hệ thống quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm để tạo thuận lợi hơn nữa cho xuất khẩu nông sản của Việt Nam.

2.2. Do các tiêu chuẩn, quy định về an toàn thực phẩm thường mang tính chuyên môn sâu, nhiều quy định được áp dụng không chỉ cho sản phẩm cuối cùng mà còn cho cả quy trình sản xuất, để ổn định và phát triển được thị trường, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn các hộ nông dân không chỉ về tiêu chuẩn của nước nhập khẩu mà còn về phương thức sản xuất, nuôi trồng phù hợp để đáp ứng các tiêu chuẩn đó.

2.3. Để ứng phó với các biện pháp phòng vệ thương mại, những biện pháp bảo hộ quá mức, không phù hợp với cam kết quốc tế, gây khó khăn cho xuất khẩu của Việt Nam:

- Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan (i) tăng cường cơ chế cảnh báo sớm cho các doanh nghiệp để chủ động phòng tránh các vụ kiện phòng vệ thương mại của nước ngoài; (ii) tăng cường tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn doanh nghiệp cách ứng phó với các vụ kiện được nước ngoài khởi động, giải thích và đấu tranh từ giai đoạn điều tra để giảm thiểu tác động bất lợi của biện pháp cuối cùng; (iii) hướng dẫn và đồng hành cùng doanh nghiệp trong việc đấu tranh và khởi kiện ra cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO các sắc thuế phòng vệ thương mại, các biện pháp bảo hộ bất hợp lý, vi phạm quy định của WTO. Trước mắt, tập trung hỗ trợ doanh nghiệp thủy sản giải quyết các tranh chấp với Hoa Kỳ để bảo vệ quyền lợi chính đáng cho tôm và cá tra Việt Nam.

- Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu và tăng cường áp dụng các biện pháp phòng chống gian lận thương mại, gian lận quy tắc xuất xứ để bảo vệ các ngành hàng xuất khẩu của Việt Nam trước rủi ro của các vụ kiện "chống lẩn tránh" biện pháp phòng vệ thương mại.

2.4. Tiếp tục tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại (XTTM), xây dựng thương hiệu:

- Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương nghiên cứu việc bổ

sung kinh phí cho các hoạt động XTTM bởi kinh phí như hiện nay là quá hạn hẹp, không tương xứng với kim ngạch xuất khẩu cũng như tiềm năng xuất khẩu của nước ta và thua xa các nước trong khu vực. Theo báo cáo nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới năm 2016, kinh phí dành cho XTTM của Việt Nam chỉ bằng 0,003% kim ngạch xuất khẩu, bằng 1/10 so với Thái Lan và thấp hơn rất nhiều so với mức trung bình của thế giới là 0,11% kim ngạch xuất khẩu.

- Đi đôi với việc tăng kinh phí dành cho XTTM, Bộ Công Thương cần nghiên cứu đổi mới toàn diện công tác XTTM theo hướng (i) tăng tỷ trọng của các hoạt động có tác dụng lâu dài như đào tạo kỹ năng, giảm tỷ trọng của các hoạt động chỉ có tác dụng nhất thời như tổ chức hội chợ, triển lãm hay tham gia hội chợ, triển lãm; (ii) chú trọng các chương trình XTTM dài hơi (thời gian một vài năm) hướng vào một mặt hàng, một thị trường cho tới khi đạt kết quả cụ thể thay cho các chương trình chỉ thực hiện trong vòng một năm như hiện nay. Ngoài ra, cần đặc biệt chú trọng đào tạo về quy tắc xuất xứ và cách đáp ứng quy tắc xuất xứ để giúp các doanh nghiệp nắm bắt được các cơ hội mở ra từ các FTA, nâng cao hơn nữa tỷ lệ tận dụng ưu đãi trong các FTA.

- Dựa trên nền tảng vững chắc của các hoạt động cải thiện công tác quản lý chất lượng sản phẩm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và các Hiệp hội, doanh nghiệp liên quan xây dựng và thực thi các chiến lược và chiến dịch truyền thông nhằm thay đổi nhận thức của một số thị trường trọng điểm về chất lượng nông sản xuất khẩu của Việt Nam, nhất là thủy sản.

3. Các giải pháp hỗ trợ hoạt động xuất khẩu

Nhóm giải pháp cuối cùng hướng vào các hoạt động hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong khâu tổ chức hoạt động xuất khẩu, bao gồm:

3.1. Cải cách thể chế, hoàn thiện hành lang pháp lý đối với hoạt động xuất khẩu

Thời gian qua, công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan đến hoạt động xuất khẩu được các Bộ, ngành chú trọng thực hiện. Luật Quản lý ngoại thương được Quốc hội thông qua năm 2017 là cơ sở để Chính phủ, các Bộ, ngành ban hành các văn bản quy định chi tiết với tinh thần minh bạch, thông thoáng, cải cách thủ tục hành chính trong quản lý hoạt động ngoại thương. Luật tiếp tục giữ nguyên các quy định thông thoáng về quyền tự do kinh doanh xuất khẩu của doanh nghiệp. Các biện pháp quản lý hoạt động xuất khẩu được quy định nhằm đảm bảo lợi ích công cộng, an ninh quốc phòng, phù hợp cam kết quốc tế,... Các biện pháp này phải thực hiện theo những nguyên tắc xác định trong Luật và chỉ được áp dụng đối với danh mục hàng hóa cụ thể, theo thẩm quyền quy định cụ thể tại Luật. Những hàng hóa ngoài các danh mục này được tự do xuất khẩu, nhập khẩu.

Để triển khai Luật Quản lý ngoại thương, Bộ Công Thương đã trình Chính phủ ban hành 4 Nghị định quy định chi tiết về hoạt động xuất xứ hàng hóa, thương mại biên giới, phòng vệ thương mại và các biện pháp hỗ trợ hoạt

động ngoại thương. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương (thay thế Nghị định số 187/2013/NĐ-CP) hiện đang được trình Chính phủ xem xét trước khi ban hành.

Để bảo đảm việc thực thi Luật Quản lý ngoại thương cũng như Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương ngay sau khi được Chính phủ ban hành và có hiệu lực, đảm bảo không có khoảng trống pháp lý trong thực thi các quy định về xuất nhập khẩu, đề nghị các Bộ, ngành rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, bảo đảm sự phù hợp với các quy định của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; chủ động xây dựng, dự thảo để ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý và Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, hàng hóa thuộc diện quản lý theo giấy phép, theo điều kiện kèm mã số HS theo quy định hiện hành.

3.2. Tăng cường và đổi mới công tác thông tin thị trường:

- Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định kỳ 6 tháng một lần phát hành Báo cáo đánh giá thị trường nông, thủy sản, trong đó đưa ra những thông tin, dự báo và đánh giá về tình hình cung cầu, giá cả, thị trường của một số nông, thủy sản xuất khẩu chính để doanh nghiệp và người dân có thông tin định hướng cho hoạt động sản xuất, xuất khẩu.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức lập cơ sở dữ liệu về các biện pháp an toàn thực phẩm tại các thị trường xuất khẩu chính, công bố để các doanh nghiệp tham khảo. Tổ chức theo dõi, cập nhật thường xuyên cơ sở dữ liệu này để các doanh nghiệp chủ động và kịp thời điều chỉnh hoạt động sản xuất, kinh doanh.

3.3. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi hơn nữa cho hoạt động xuất khẩu:

- Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành (i) thúc đẩy việc triển khai Cơ chế Một cửa Quốc gia, Cơ chế Một cửa ASEAN; (ii) rà soát, áp mã HS cho toàn bộ danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc diện quản lý và kiểm tra chuyên ngành nhằm nâng cao tính minh bạch và hỗ trợ doanh nghiệp giảm bớt thời gian làm thủ tục xuất nhập khẩu.

- Các Bộ, ngành tiếp tục đẩy mạnh triển khai các giải pháp nhằm cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh đã đề ra tại các Nghị quyết số 19/NQ-CP của Chính phủ, Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ.

3.4. Về thanh toán, tín dụng, đảm bảo nguồn vốn phục vụ xuất khẩu, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì:

- Nghiên cứu biện pháp giúp các doanh nghiệp khắc phục khó khăn trong khâu thanh toán tại một số thị trường như Trung Quốc, Liên bang Nga, một số nước châu Phi,... để thúc đẩy xuất khẩu sang các thị trường này.

- Tiếp tục xem xét, áp dụng các biện pháp để giảm lãi suất cho vay ngắn

hạn; tổ chức tập huấn, phổ biến, hướng dẫn cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, về quy trình, thủ tục hồ sơ vay vốn.

- Nghiên cứu biện pháp giúp các doanh nghiệp có thể tham gia trực tiếp vào các thị trường kỳ hạn quốc tế để tận dụng các công cụ phòng chống rủi ro (hedging) trên các thị trường này.

3.5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có cảng biển quốc tế, cửa khẩu quốc tế rà soát lại các loại phí và mức phí thu vào hàng hóa xuất nhập khẩu, nhất là hàng xuất khẩu, để tiếp tục giảm phí cho doanh nghiệp./.

BỘ CÔNG THƯƠNG